

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

TÔN GIÁO MỚI Ở NHẬT BẢN TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI II TỚI NHỮNG NĂM 1990 VÀ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CHÚNG

NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRANG^(*)

Khái niệm “Tôn giáo mới” (từ gốc là 新宗教- *tân tôn giáo*) lần đầu tiên xuất hiện tại Nhật Bản là vào thời gian sau Chiến tranh Thế giới II kết thúc (1945). Có nhiều cách hiểu về thuật ngữ “tôn giáo mới” tùy theo góc độ tiếp cận. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “tôn giáo mới” theo cách hiểu đó là các tôn giáo xuất hiện sau năm 1945 và những tôn giáo đã có từ đầu thế kỷ XX nhưng đang tiếp tục tồn tại trong giai đoạn sau này.

1. Nguyên nhân ra đời, đặc điểm và quá trình phát triển của tôn giáo mới ở Nhật Bản

Sau Chiến tranh Thế giới II sự xuất hiện của các tôn giáo mới ở Nhật Bản trở thành một hiện tượng có tính bùng phát. Có 3 nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng này là:

Thứ nhất, sự thay đổi chính sách tôn giáo. Nếu so với chính sách tôn giáo của Nhật Bản giai đoạn trước thì sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới II chính sách tôn giáo của Nhật Bản đã thay đổi căn bản. Nguyên tắc “tế chính nhất trí” vốn

tồn tại hàng nghìn năm trong lịch sử Nhật Bản bị bãi bỏ. Thay vào đó là nguyên tắc “chính giáo phân li”. Hơn thế nữa, theo Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 và Luật Pháp nhân tôn giáo, các tổ chức tôn giáo không được quyền tham gia vào các hoạt động của nhà nước, không tham gia vào hoạt động chính trị. Trái lại, nhà nước cũng không can thiệp vào các hoạt động trong phạm vi tín ngưỡng của các tổ chức tôn giáo; tôn giáo tách biệt với giáo dục nhà trường.

Trước Chiến tranh Thế giới II, mặc dù tự do tôn giáo đã được Hiến pháp công nhận, song trên thực tế sự can thiệp của Nhà nước đối với tôn giáo vẫn còn là một trở ngại rất đáng kể. Theo Điều 28 của Hiến pháp Minh Trị, mặc dù tự do tôn giáo được tuyên bố nhưng lại bị rào đón. Năm 1939 *Luật Đoàn thể tôn giáo* được ban hành. Luật này không chỉ nhằm mở rộng quyền kiểm tra các tổ chức tôn giáo mà còn nhằm quản lý chúng một cách chặt chẽ hơn dưới hình thức được giải thích là vì hòa bình, ổn định. Vì vậy khi

*. ThS., Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Luật pháp nhân tôn giáo được công bố năm 1951 với việc công nhận thực sự quyền tự do tôn giáo và với quy định lỏng lẻo về những điều kiện tổ chức tôn giáo thì các hội này trở thành hạt nhân để hình thành các tổ chức tôn giáo mới. Và trong số các tổ chức tôn giáo xuất hiện sau chiến tranh có nhiều tổ chức đã tồn tại và hoạt động từ trước đó nhưng không được thừa nhận chính thức.

Thứ hai là sự phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hóa. Bắt đầu từ những năm 1950, Nhật Bản bước vào quá trình đô thị hóa với tốc độ cao. Đô thị hóa ở Nhật diễn ra mạnh mẽ gắn liền với sự bùng phát của các ngành công nghiệp. Các thành phố mọc lên nhanh chóng, đặc biệt là các thành phố lớn có mật độ dày đặc ở đảo Honshu, trong đó thành phố lớn nhất Nhật Bản đồng thời cũng là thành phố lớn nhất thế giới là Tokyo đã đạt 25 triệu dân năm 1990. Ngay từ năm 1960, Tokyo đã trở thành trung tâm kinh tế của Nhật Bản và của thế giới. Mặc dù trong quá trình hiện đại hóa, dân số không ngừng tăng, song đến đầu những năm 1960 tỉ lệ cư dân sống ở thành thị và cư dân sống ở nông thôn đã đạt 7/3, ngày nay tỉ lệ chênh lệch này còn cao hơn nhiều. Bắt đầu từ những năm 1950 người ta được chứng kiến hiện tượng di cư từ nông thôn ra thành thị với quy mô ngày một lớn. Từ xưa, Phật giáo và Thần đạo đều lấy cơ sở là gia đình và cộng đồng, song sự phát triển của đô thị hóa đã làm lung lay cơ sở đó. Những người ra sống tại thành phố còn rất ít cơ hội hoặc không còn cơ hội để liên hệ thường xuyên với những ngôi chùa, ngôi đền mà trước đây họ là những thành viên. Họ cũng không

có ý muốn tham gia vào bất kì một ngôi chùa nào khác ở thành phố, họ sống trong tình trạng hứt hắng về tinh thần. Đó chính là một trong những điều kiện thuận lợi để tôn giáo mới nảy sinh.

Thứ ba là tác động của sự phát triển nhanh của đời sống kinh tế-xã hội. Thời kì gần 20 năm, từ năm 1955 đến năm 1973, là thời kì mà nền kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng rất cao. GDP thực tế theo giá so sánh hằng năm (năm gốc là 1965) của Nhật Bản trong thời kì này hầu hết đều có tốc độ tăng lên tới hai chữ số. Đây là hiện tượng chưa từng xảy ra trong lịch sử của bất cứ quốc gia nào. Các nhà nghiên cứu gọi đó là giai đoạn phát triển “thần kì” hoặc là thời kì phát triển cao độ của nền kinh tế Nhật Bản. Chính trong thời kì này, Nhật Bản đã từ một nước có nền kinh tế bị tàn phá nặng nề trong Chiến tranh Thế giới II đã đuổi kịp các nền kinh tế tiên tiến của thế giới. Song sự cạnh tranh trong xã hội cũng trở nên quyết liệt hơn gấp nhiều lần so với các giai đoạn trước. Con người sống trong một môi trường có nhiều sức ép tâm lí. Mặt khác, trong một xã hội hiện đại hóa nhanh chóng như vậy những mối quan hệ truyền thống cũ không ngừng bị rạn nứt, thay vào đó là những quan hệ nhiều khi mang tính máy móc, cơ giới mà ở Phương Tây đã từng gọi là kiểu quan hệ phi nhân⁽¹⁾. Cũng chính vì vậy có không ít người có cảm giác chán ghét và

1. Quan hệ phi nhân là hiện tượng xuất hiện đầu tiên ở Phương Tây trong thời hiện đại khi việc áp dụng tự động hóa trong xã hội tăng lên không ngừng. Các quan hệ trao đổi, giao dịch hằng ngày giữa con người dần được thay thế bằng máy móc tự động. Tình trạng này đã tước dần các quan hệ xã hội và làm cho con người cảm thấy cô đơn ngay trong một xã hội đô thị đông đúc.

xa lánh xã hội. Nhiều trường hợp rủi ro như ốm nặng, phá sản... thường tìm đến Thần, Phật với hi vọng tìm kiếm sự phù hộ hay ít ra để có được một chút thư thái trong tâm hồn. Trong xã hội lại thường xuất hiện những người tự tuyên bố là có khả năng tâm linh đặc biệt nào đó, chẳng hạn khả năng chữa bệnh không phải bằng y học mà bằng phép thuật và tuyên bố rằng đã được một vị thần hay Phật ủy thác để đem lại hạnh phúc cho mọi người. Những người bình dân cho dù đã thấm ít nhiều giáo huấn của Thần, Phật thì vẫn thấy bị lôi cuốn bởi những loại tín ngưỡng kiểu này vì nó rất giản dị và rất thiết thực, thường thì không bị gò bó như các tôn giáo truyền thống.

Tôn giáo mới ở Nhật Bản có những đặc điểm chung như sau:

Thứ nhất là tính ma thuật - bí ẩn. Tính ma thuật - bí ẩn là đặc điểm chung của tôn giáo của mọi thời đại. Đây cũng là đặc điểm tạo nên diện mạo thần thiêng và sức hút tín đồ của các tôn giáo. Tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới II lại càng thể hiện rõ đặc điểm này. Tiêu biểu nhất phải kể tới giáo phái Chân lí Aum tuyên truyền rằng tu luyện Yoga có thể thu được năng lượng chữa bệnh, có thể bay lên khỏi mặt đất, nhờ vào tu luyện có thể đọc được ý nghĩ, nhìn được tương lai, thậm chí có thể vượt lên sinh tử.

Thứ hai là tính hỗn dung: Cũng như Việt Nam, từ xa xưa Nhật Bản đã có truyền thống tín ngưỡng khá hỗn dung, các tôn giáo tồn tại trên cơ sở ảnh hưởng lẫn nhau, chứ không bài trừ nhau. Chính vì vậy các tôn giáo mới cũng mang tính hỗn dung. Ví dụ như Seicho no Ie, thờ cả Chúa Giêsu, Bồ Tát, Khổng Tử...

Thứ ba là tính hiện thế. Trái ngược với các tôn giáo truyền thống như Phật giáo, Kitô giáo... hướng tới cuộc sống hạnh phúc sau khi chết, các tôn giáo mới đi vào những vấn đề hằng ngày con người quan tâm như chữa bệnh, môi trường... đem lại cho họ lối thoát trong tinh thần, tìm thấy niềm vui sống.

Thứ tư là số lượng phụ nữ trong các tôn giáo mới với tư cách người sáng lập hay thủ lĩnh là hiện tượng khá phổ biến. Điều này không phải vì phụ nữ đóng những vai trò quan trọng hơn nam giới trong lịch sử tôn giáo Nhật Bản hiện đại, mà nhờ khả năng họ thể hiện sự năng động hơn nam giới trong lĩnh vực này.

Thứ năm là cách thức truyền giáo mang tính thế tục, thay vì thông qua đội ngũ truyền giáo chuyên nghiệp... như các tôn giáo truyền thống, tôn giáo mới tận dụng tác dụng của các phương tiện truyền thông hiện đại như báo, truyền hình, đài phát thanh và sau này là mạng Internet để tuyên truyền và thu hút thêm tín đồ quan tâm và gia nhập tổ chức của mình⁽²⁾.

Điều đáng lưu ý là bắt đầu từ những năm 1970, ở Nhật Bản lại tiếp tục xuất hiện những tôn giáo mới với diện mạo ít nhiều có khác biệt, được gọi là các "tân tôn giáo". Các tân tôn giáo có một số đặc điểm chung, đó là:

1) Các tân tôn giáo gắn với những trải nghiệm thần bí, tạo ấn tượng sâu sắc về mặt tâm lí.

2) Một số tân tôn giáo có tổ chức cộng đồng chặt chẽ, các tín đồ gia nhập các tổ chức này thường bỏ công việc hay

2. Phạm Hồng Thái (Chủ biên). *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 83.

học hành, cắt đứt quan hệ với gia đình để toàn tâm toàn ý hoạt động cho tổ chức.

3) Tân tôn giáo đề cao tính tự do, độc lập của mỗi tín đồ.

Theo số liệu thống kê, trước năm 1945, ở Nhật Bản chỉ có 43 tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận, trong đó có 12 tổ chức Thần đạo, 20 tổ chức Phật giáo, 2 tổ chức Kitô giáo. Đến năm 1949, số các tổ chức tôn giáo đã tăng lên gấp 10 lần, tức là 430 tổ chức³⁾. Quá trình phát triển của các tôn giáo mới ở Nhật Bản từ sau chiến tranh có những bước thăng trầm khá đặc biệt. Theo các kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù các tôn giáo mới nở rộ sau chiến tranh, nhưng bước vào những năm 1970 chúng có vẻ như chững lại. Có học giả cho rằng vào lúc đó các tôn giáo mới đã đạt đến mức bão hòa sau khoảng 25 năm phát triển. Điển hình là Soka Gakkai đã có được 7,5 vạn gia đình thành viên vào năm 1970 nhưng sau đó tốc độ tăng giảm nhanh chóng. Tuy nhiên, bên cạnh đó lại có những giáo phái mới phát triển rất mạnh mẽ từ những năm 1970. Khi phân tích hiện tượng mới này các học giả thường lấy giáo phái Shinnyo-en làm ví dụ. Năm 1965 lượng thành viên chính thức của nhóm này có gần 125 ngàn. Tuy nhiên, năm 1975 con số này tăng lên đến 300 ngàn, năm 1985 là 2.596 ngàn. Các giáo phái loại này được phân biệt với các giáo phái tôn giáo mới nhưng đã chững lại trong quá trình phát triển bằng tên gọi chung là các tân tôn giáo. Khái niệm tân tôn giáo được một số học giả và nhà báo sử dụng từ những năm từ năm 1970 ở Nhật Bản để chỉ một giai đoạn mới hay một thời kì mới trong sự phát triển của các tôn giáo mới.

2. Một số tôn giáo mới tiêu biểu ở Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới II đến những năm 1990

2.1. Soka Gakkai (Sáng giá Học Hội)

Soka Gakkai hiện nay là một tổ chức pháp nhân tôn giáo độc lập, chịu sự quản lí của Bộ trưởng Bộ Khoa học - Giáo dục, có số lượng tín đồ đông đảo nhất ở Nhật Bản. Ra đời trước chiến tranh, đầu tiên có tên gọi là Hokkeko (Pháp Hoa Giảng) - một tổ chức không có tư cách pháp nhân tôn giáo thuộc Nichiren Shoshu (Nhật Liên chính tông). Về sau, đoàn thể tôn giáo này tách khỏi lãnh đạo của Nichiren Shoshu và mang tư cách tôn giáo pháp nhân độc lập cho tới ngày nay. Cơ sở chính ở phố Shinano, khu Shinjuku, thủ đô Tokyo. Cơ quan ngôn luận là báo "Seikyo (nhật báo)", "Sáng giá Tân báo" (bán nguyệt san), có tạp chí "Daipyakurenge" (Đại bạch Liên hoa), "Graph SGI" (nguyệt san). Nét đặc sắc của Hội này chính là quan hệ giữa Hội và một đảng chính trị, đó là đảng Komei (Đảng Công Minh). Đây là một đảng chính trị mang tính chất tôn giáo và có các thành viên được bầu vào Thượng nghị viện cũng như vào các hội đồng địa phương.

Số gia đình hội viên thường trực của Soka Gakkai là 827 vạn hộ (số liệu năm 2007). Kinh điển của Soka Gakkai là "Pháp Hoa Kinh", "Tân biên Nhật Liên Đại Thánh Nhân Ngự Thư Toàn Tập", "Nhật Liên Đại Thánh Nhân Ngự Thư Từ Điển".

Soka Gakkai trở thành một tôn giáo có ý thức Phật giáo và mang sự cứu rỗi

3. Phạm Hồng Thái (Chủ biên). *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Sđd, tr. 76.

của Phật, với sứ mệnh truyền giáo mở rộng Phật pháp của Nhật Liên, thực hiện các mục đích căn bản là “hạnh phúc của vạn người” và “hòa bình thế giới”, xác lập trên cơ sở “tôn nghiêm sinh mệnh”. Họ ủng hộ việc truyền bá rộng rãi Kinh Pháp Hoa và xây dựng Giới đàn Bản môn để thờ Phật trong chùa Taiseki (Đại Thạch). Hơn nữa, tinh thần của Học hội được hoàn thiện qua “Ba đời Hội trưởng” đầu tiên.

Điểm đáng chú ý nhất khi nói đến Soka Gakkai là mối liên quan của tổ chức tôn giáo này với đời sống chính trị Nhật Bản sau chiến tranh. Từ thời Hội trưởng Toda, đã có thành viên của tổ chức này ứng cử vào Hạ nghị viện hay hội đồng địa phương với tư cách là nghị viên tự do. Năm 1961, với mục tiêu đưa được nhiều thành viên vào Hạ nghị viện, “Liên minh Chính trị Công Minh” được thành lập với trụ cột là các thành viên của Soka Gakkai. Năm 1964, tổ chức này đổi tên thành Đảng Công Minh. Trong thực tế, Soka Gakkai đã hỗ trợ với tư cách là tổ chức mẹ cho Đảng Công Minh. Tư tưởng chi phối Đảng Công Minh là tư tưởng Phật giáo: muốn tạo nên một nền chính trị ở Nhật Bản căn bản thống nhất với lý tưởng Phật giáo. Sau khi thành lập Đảng Công Minh, tổ chức Soka Gakkai tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chính trị, đưa các đại diện của mình vào các tổ chức chính trị. Cuộc bầu cử vào Hạ nghị viện năm 1967, Soka Gakkai có 34 ứng cử viên và đắc cử 25 ghế. Đảng Công Minh trở thành đảng chính trị đối lập thứ ba ở Nhật Bản lúc đó. Năm 1969, đảng này chiếm 47 ghế trong Hạ nghị viện – điều chưa từng xảy ra trong lịch sử Nhật Bản đối với một đảng theo định hướng tôn

giáo. Soka Gakkai đã mở rộng ảnh hưởng trong tầng lớp những người nội trợ và trong sinh viên. Song Soka Gakkai và Đảng Công Minh bị dư luận chỉ trích là đã đi ngược lại nguyên tắc cơ bản của hệ thống tôn giáo sau chiến tranh, đó là nguyên tắc phân li giữa tôn giáo và nhà nước. Lý tưởng chính trị *Obutsu Myogo* mà Đảng Công Minh của Soka Gakkai đi theo là tư tưởng phát xít, có nguồn gốc từ phái Nhật Liên chính tông, chủ trương rằng Phật giáo Nhật Liên cần phải được thừa nhận như một tôn giáo nhà nước ở Nhật. Để trả lời cho điều này, trong cuộc mít tinh vào tháng 5/1970, đại diện của Soka Gakkai đã ra tuyên bố về sự độc lập của hai tổ chức, song cũng khẳng định Soka Gakkai là một tổ chức ủng hộ Đảng Công Minh và sẽ tiếp tục ủng hộ đảng này trong các cuộc bầu cử.

Soka Gakkai là một tổ chức tôn giáo lớn ở Nhật Bản và luôn cố gắng mở rộng ảnh hưởng ra nước ngoài, đặc biệt là qua giới sinh viên đang du học ở Nhật Bản, trong mấy năm gần đây Đại học Soka (thuộc Soka Gakkai) đã cấp học bổng cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội. Quan hệ khăng khít giữa Soka Gakkai và Đảng Công Minh là một biểu hiện đặc sắc cho mối quan hệ giữa tôn giáo mới và chính trị.

2.2. Giáo phái Omoto (Đại Bản giáo)

Giáo phái Omoto, còn gọi là Omoto-kyo (*Ōmoto-kyō*) là một đoàn thể tôn giáo thuộc hệ Thần đạo. Năm 1946, giáo phái này chính thức được đăng ký hoạt động với cái tên Aizen - en theo *Lược Pháp nhân tôn giáo*. Năm 1952, giáo phái Aizen - en lại đổi về tên cũ là Giáo phái Omoto

và đăng kí hoạt động tư cách pháp nhân theo *Luật Pháp nhân tôn giáo*.

Giáo phái Omoto do Deguchi Nao (1836-1918) lập ra vào năm 1892. Deguchi Nao tự xưng là người có khả năng truyền đạt ý nguyện của thần linh thông qua hình thức giáng bút, tức là chép lại những chỉ thị của thần Kuni Kototachi Ookami đến các tín đồ, đây là hiện tượng mang tính tâm linh. Còn Deguchi Onisaburo chủ yếu dựa vào hiện tượng thần nhập qua các thiện thần (những vị thần mang lại những điều tốt) như thần Toyo kumo no kami, thần Komatsu Hayashi Inochi và thần Matsuoka Fuyo Sennin để trực tiếp truyền chỉ thị của Thần. Sau khi Deguchi Nao tạ thế, Deguchi Onisaburo khai thác triệt để hiện tượng thần nhập và bắt đầu đưa ra những câu chuyện về thế giới tâm linh.

Deguchi Nao được coi là “Biến tính nam tử” (tức thân thể là nữ, nhưng linh hồn là nam) và Deguchi Onisaburo là “Biến tính nữ nhi” (thân thể là nam, linh hồn là nữ), tạo ra một mối quan hệ chặt chẽ thống nhất giữa hai người. Sự kết hợp như vậy có thể thấy ở nhiều tôn giáo mới sau này.

Omoto giáo có hai bộ kinh sách cơ bản là *Omoto thần chỉ* của Deguchi Nao và *Linh giới vật ngữ* của Deguchi Onisaburo. Điểm căn bản trong giáo lí của Omoto là nhằm tạo ra một thế giới thiên đường ngay trên mặt đất này dựa vào “tín chân” và “ái thiện” của các vị thần sáng tạo ra vạn vật của vũ trụ này. Omoto cũng cho rằng căn nguyên của tất cả những điều ác là do thói tham lam và lòng ích kỉ của con người sinh ra. Con người cần phải quay về với “tứ đại cương

lĩnh” là “tế, giáo, quán, tạo” và thực hành “tứ đại chủ nghĩa” đó là: “Thanh khiết chủ nghĩa”, “Lạc quan chủ nghĩa”, “Tiến triển chủ nghĩa” và “Thống nhất chủ nghĩa”. Thực hành “Tứ đại chủ nghĩa” là thực hành 4 nguyên tắc với nội dung cụ thể là (1). Thanh tịnh tinh thần và thể xác; (2). Lạc quan, tin tưởng vào lòng tốt của ý nguyện thần thánh; (3). Cải thiện xã hội theo con đường tiến bộ; (4). Thống nhất, hòa giải những chia rẽ. Những nguyên tắc này được nhìn thấy khắp vũ trụ, có những quy luật của vũ trụ và mọi thứ trong tự nhiên sống và phát triển với những quy tắc đó. Con người có khuynh hướng sống làm tổn hại đến những nguyên tắc này nên tự gây đau khổ cho mình. Bằng cách thực hành những nguyên tắc này, con người có thể sống hòa hợp với vũ trụ và hướng đến một cuộc sống thiên đường ngay trên mặt đất. Giáo lí của Omoto có 2 điểm đáng chú ý. *Thứ nhất*, theo thuyết “Luân lí mô hình”, những việc đã xảy ra trong nội bộ Omoto sẽ xảy ra ở Nhật, những việc đã xảy ra ở Nhật sẽ xảy ra trên thế giới; đó được coi như sự vận động có tính quy luật. Điều này được sử dụng để dự đoán trong tương lai gần. *Thứ hai* là “Thuyết thay đổi - cải tổ lại”, một thể loại của “thuyết Mặt thế”: một phần giáo lí của thuyết này chứa đựng yếu tố đối lập với thể chế Thiên Hoàng, đặc biệt là tư tưởng về “thuyết thay đổi - cải tổ lại” gắn liền với tư tưởng cách mạng nên đã bị chính quyền đàn áp (sự kiện Omoto lần thứ nhất năm 1921 và lần thứ hai năm 1935).

Hiện nay Omoto là một trong mười tôn giáo mới lớn nhất ở Nhật Bản. Một giáo phái trải qua nhiều bước thăng trầm như Omoto, hiện nay được hoạt

động hợp pháp và phát triển ổn định cho thấy công tác quản lý tôn giáo của Nhật Bản có nhiều điều đáng để chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu.

2.3. Giáo phái Chân lí Aum

Giáo phái Chân lí Aum được coi là một tôn giáo, nhưng ảnh hưởng xã hội và vị trí của nó ở Nhật Bản không thua kém bất cứ một tôn giáo mới nào. Không chỉ ở Nhật Bản mà trên toàn thế giới, người ta cũng không thể nào quên tội ác kinh hoàng mà giáo phái này gây ra tại hệ thống tàu điện ngầm ở thủ đô Tokyo tháng 3 năm 1995. Chính sự kiện khủng bố này là một trong những nguyên nhân chính đưa đến việc cải cách chính sách tôn giáo Nhật Bản năm 1995.

Giáo phái Chân lí Aum do Asahara Shoko lập ra. Asahara Shoko sinh năm 1955, tên thật là Matsumoto Chizuo - con trai thứ tư của một người làm nghề dệt chiếu nghèo khổ ở tỉnh Kumamoto. Năm 23 tuổi, Chizuo lên Tokyo sinh sống và kết hôn với Tomoko, người đã thuyết phục gia đình đầu tư tài chính cho phòng khám do Chizuo làm chủ. Tại đây, Chizuo bắt đầu quan tâm đến tôn giáo, luyện khí công, học bói toán và gia nhập một tôn giáo mới có tên là God Light Association. Năm 1981 qua việc luyện Yoga, ông tuyên bố đã cảm nhận được một sự thức tỉnh năng lượng sinh mệnh được truyền đến cơ thể, trí óc và dẫn tới sự phát triển về tinh thần gọi là Kundalini. Năm 1982, ông gia nhập Agonshu và nhờ đó ông có được những kinh nghiệm trong hoạt động tôn giáo về sau. Năm 1984 ông ta rút khỏi Agonshu và mở một trung tâm tập Yoga mang tên là "Hội Aum" (Aum no Kai) tại Shibuya, một trong những

trung tâm thương mại của Tokyo. Cũng trong năm 1984, Chizuo đổi tên thành Asahara Shoko (nghĩa là ánh sáng trong thung lũng cây gai dầu).

Tháng Tư năm 1986, Asahara Shoko lập ra "Hội Thần tiên Aum" (Aum shinsen no kai) có khoảng 15 hội viên. Asahara tiếp xúc với Pema Gyalpo, người Tây Tạng lưu vong tại Nhật Bản, qua đó được tiếp kiến với Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 của Tây Tạng vào ngày 24/2/1987 và ngày 6/7/1988 ở Ấn Độ. Kết quả là những bài giảng của Asahara thu hút rất đông người nghe, bởi vì ông tự nhận có thể "truyền năng lượng thần thánh của mình" sang những tín đồ sùng đạo bằng cách đặt tay lên trán họ. Tháng 6 năm 1987 Asahara đổi tên tổ chức mới thành lập của mình thành Aum Shinrikyo, tức Giáo phái Chân lí Aum. Tháng 11 năm đó, một chi nhánh của giáo phái ở New York cũng được thành lập. Ngày 25 tháng 8 năm 1989, giáo phái này chính thức trở thành một tôn giáo có tư cách pháp nhân. Giáo phái Chân lí Aum có chi nhánh trên khắp Nhật Bản và mở các trung tâm luyện tập tại nhiều tỉnh, đặt chi nhánh ở cả Nga và Sri Lanka. Trong năm 1989, giáo phái này có được khoảng 1 vạn tín đồ.

Giáo huấn và nghi lễ của Aum phát triển từng bước cùng với quá trình phát triển của tổ chức. Lúc đầu giáo phái này tập trung vào việc tập luyện để đạt được năng lượng siêu nhiên thông qua kỹ thuật Yoga. Chính vì vậy nó thu hút được rất nhiều tín đồ là những thanh niên, những người muốn có được những năng lực siêu nhiên. Dần sau đó giáo phái tiến tới chú ý vào tín điều giác ngộ từ Phật

giáo nguyên thủy, đặc biệt là những kĩ thuật tập luyện rất bí hiểm để đạt được sự giác ngộ. Giáo lí Aum cho rằng nhờ vào tu hành sẽ vượt qua được từng ham muốn, khát khao, giải phóng được khổ não. Trong thuyết giáo của Matsumoto, người được gọi là “người giải phóng cuối cùng và duy nhất cho bản thân Nhật Bản”, căn bản chính là là “Vô thường” và “Phá vỡ ham muốn”.

“Con người phải chết, chắc chắn phải chết, tuyệt đối phải chết, cái chết là không thể trốn chạy được”, đặc trưng những lời Matsumoto nói là áp dụng theo thế giới quan Phật giáo, coi tất cả mọi thứ trong thế giới này đều Vô thường. Theo đó, tất cả những hạnh phúc chỉ là thoáng qua và sẽ kết thúc bất kì lúc nào, việc cố nắm giữ những vui sướng ham muốn sẽ làm phát sinh những đau khổ tất yếu. Ngược lại, tự mình vượt qua những ham muốn, tới trạng thái đạt được vô thường, đó là “Niết Bàn”, sẽ được vui sướng tuyệt đối, hạnh phúc tuyệt đối, tự do tuyệt đối. Và hơn nữa, khi không có việc gì còn vướng bận, sẽ đạt tới trạng thái “Đại Niết Bàn”, dẫn dắt được đến trạng thái tuyệt đối vui sướng, tuyệt đối hạnh phúc, tuyệt đối tự do hoàn toàn linh hồn, và cuối cùng dẫn được tới trạng thái “Đại tuệ Niết Bàn”. Đây chính là một trong những cơ sở để Giáo phái Chân lí Aum tiến hành các vụ khủng bố bằng khí độc trong những năm 1994 - 1995.

Ngoài ba tôn giáo mới nổi bật đã nêu, ở Nhật Bản còn rất nhiều tôn giáo mới có lượng khá lớn tín đồ, có ảnh hưởng xã hội, tạo nên đời sống tôn giáo sôi động từ sau Chiến tranh Thế giới II tới nay. Do dung lượng bài viết có hạn, ở đây tôi chỉ

xin đưa ra ba tổ chức trên. Qua đó, chúng ta thấy nổi rõ những điểm đặc trưng của tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới II, nhất là tính hiện thế, và sự linh động của tổ chức. Đặc biệt, Soka Gakkai là một tổ chức tôn giáo nhưng lại có liên hệ mật thiết với đảng chính trị. Đây là khía cạnh có liên quan đến Luật Pháp nhân tôn giáo và Hiến pháp Nhật Bản. Giáo phái Aum là một trường hợp đặc biệt khác. Việc thực hiện các hoạt động bạo lực, nhất là hành vi thực hiện tấn công giết người bằng khí độc Sarin gây lên cái chết và bệnh tật của hàng nghìn người là một hiện tượng rất cần được ngăn chặn. Giáo phái Omoto thì lại thể hiện sự năng động đổi mới, có xu hướng trở thành một tôn giáo có nhiều khả năng truyền bá vượt khỏi phạm vi đất nước Nhật Bản. Bên cạnh những giáo phái có quy mô lớn và khá bài bản về giáo lí và tổ chức như các tổ chức điển hình trên, còn có số lượng lớn các tổ chức tôn giáo cỡ nhỏ và vừa đang ra sức cải tiến hình thức hoạt động và thu hút tín đồ với những phương cách rất linh hoạt cho chúng ta thấy một diện mạo rất đa dạng và không kém phần phức tạp, phản ánh nét độc đáo của đời sống tín ngưỡng cũng như đời sống xã hội, văn hóa của người dân trên xứ sở hoa Anh Đào.

3. Những ảnh hưởng của tôn giáo mới đối với đời sống xã hội Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới II

3.1. Những ảnh hưởng tích cực

Thứ nhất, có thể thấy khá rõ, do tác động của quá trình tăng trưởng kinh tế và đô thị hóa, nhiều người sống trong môi trường đô thị cảm thấy cô đơn, hụt hẫng, bất an vì mất đi những quan hệ xã

hội, mất đi sự tự tin vào bản thân, thậm chí nhiều người đã rơi vào tình trạng bế tắc do bị dồn nén quá mức trong khi không có sự an ủi, chia sẻ từ mọi người xung quanh. Các tôn giáo truyền thống với giáo lí và tổ chức nặng nề đã không hoàn toàn giúp họ tìm được lối thoát trong cuộc sống với những vấn đề đặt ra hoàn toàn mới mẻ. Các tôn giáo mới có sức hút mạnh mẽ, bằng những cách thức khác nhau, đã giải thoát nhiều người khỏi tình trạng bế tắc, giúp họ tìm thấy hướng đi, hòa nhập lại với cộng đồng⁽⁴⁾.

Thứ hai, so với hoạt động của tôn giáo truyền thống thì tôn giáo mới rất linh động. Nếu những tôn giáo truyền thống với những quy định ngặt nghèo và những hoạt động chặt chẽ, thì không ít tôn giáo mới với cách thức tổ chức và những hoạt động cụ thể, đổi mới, hướng tới những mục tiêu cụ thể, thiết thực để giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong đời sống.

Thứ ba, tôn giáo mới có những hoạt động thiết thực ít nhiều đóng góp cho xã hội những lợi ích cụ thể, như các phong trào vận động vì hòa bình, bảo vệ môi trường, vận động cải cách giáo dục... Đây là những vấn đề nổi cộm của Nhật Bản sau chiến tranh.

Bên cạnh đó, nhiều tổ chức tôn giáo mới cũng tham gia rất nhiệt tình trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội

3.2. Những ảnh hưởng tiêu cực

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực như đã chỉ ra thì hoạt động của nhiều tổ chức tôn giáo mới cũng có những tác động tiêu cực đến xã hội.

Điển hình nhất của những hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội của tôn giáo mới là hoạt động của Giáo phái Chân lí Aum. Việc tổ chức tuyên truyền những giáo lí phản động biến họ cho những hành động làm tổn hại đến tính mạng và tài sản của con người, nhất là việc tiến hành khủng bố giết người bằng chất độc Sarin trong hệ thống tàu điện ngầm làm chết và bị thương hàng nghìn người gây mất trật tự, an ninh xã hội là điều không thể tha thứ.

Bên cạnh đó, còn thấy có rất nhiều giáo phái hứa hẹn với các tín đồ về khả năng chữa bệnh mà không cần có sự can thiệp của y học hay lợi dụng những thành tựu khoa học để làm lợi cho mình, coi mình là tôn giáo khoa học. Điều đó dẫn đến những tín đồ quá tin vào giáo phái của mình lầm lạc, sử dụng khoa học để gây hại cho chính mình và người xung quanh. Hơn nữa, tuy tôn giáo mới ở một mức độ nhất định giúp người đang cô đơn, mất thăng bằng trong cuộc sống có thể lấy lại niềm tin và hòa nhập lại với cộng đồng, nhưng khi lòng tin tôn giáo đã bị lợi dụng quá đà thì càng khiến họ tách biệt với cộng đồng, thậm chí từ bỏ gia đình, trường học, nơi làm việc để gia nhập vào tôn giáo của mình.

Cuối cùng cần phải kể đến hoạt động của nhiều tổ chức mạo danh tôn giáo để kiếm lời. Hiện tượng đó xuất phát từ chính sách của nhà nước coi hoạt động của các tổ chức tôn giáo là hoạt động phi lợi nhuận, thậm chí các nguồn thu của các đền, chùa, giáo hội cũng được coi là để cho hoạt động tôn giáo nên không bị

4. Phạm Hồng Thái (Chủ biên). *Đời sống tôn giáo Nhật Bản hiện nay*, Sđd, tr. 98.

đánh thuế hoặc chịu mức thuế rất thấp. Chính vì thế có nhiều tổ chức đã lợi dụng, lấy danh nghĩa hoạt động kinh doanh của tổ chức tôn giáo để trốn thuế. Bên cạnh đó, còn có nhiều tổ chức lấy danh nghĩa tôn giáo để lợi dụng lòng tin của người dân mà bán hàng với giá cao cắt cổ với hứa hẹn là sự đóng góp cho đức tin và được các đấng siêu nhiên đền bù, cứu rỗi.

3.3. Ảnh hưởng của tôn giáo mới đến việc hoàn thiện chính sách tôn giáo của Nhật Bản từ kết thúc Chiến tranh Thế giới II đến những năm 1990

Cho đến năm 1990, nhu cầu bổ sung, sửa đổi *Luật Pháp nhân tôn giáo* của Nhật Bản tuy đã ít nhiều được đề cập đến nhưng chưa phải là vấn đề cấp bách. Việc tuân thủ nguyên tắc “chính giáo phân li” trong Hiến pháp Nhật Bản và Luật Pháp nhân tôn giáo được công bố sau chiến tranh đã cho thấy trong phạm vi luật pháp được quy định còn có những điểm chưa thật rõ ràng khiến việc xử lý nhiều trường hợp gây tranh cãi kéo dài, ví dụ như sự liên hệ giữa tổ chức Soka Gakkai với Đảng Công Minh. Tuy vậy, mặc dù khiến dấy lên những tranh luận khá sôi nổi trong dư luận xã hội nhưng chúng chưa phải là trường hợp đe dọa đến an ninh, trị an xã hội.

Tuy nhiên, sự kiện Giáo phái Chân lí Aum đã tạo nên một chấn động kinh hoàng không chỉ trong đời sống chính trị, xã hội ở Nhật Bản mà cả trên trường quốc tế. Sự kiện khủng bố của Giáo phái Aum đã đặt việc bổ sung, sửa đổi *Luật Pháp nhân tôn giáo* ở Nhật Bản trước một nhu cầu vô cùng cấp bách.

Bản dự thảo sửa đổi *Luật pháp nhân tôn giáo* cuối cùng đã được trình lên

Quốc hội để xem xét. Ngày 8 tháng 12 năm 1995 dự thảo sửa đổi *Luật pháp nhân tôn giáo* được thông qua. Nội dung chính của luật sửa đổi *Luật Pháp nhân tôn giáo* tập trung vào hai vấn đề: tăng sự giám sát của Nhà nước đối với các tổ chức tôn giáo và yêu cầu các tổ chức tôn giáo công khai tình hình tài chính nhằm mục đích kiểm soát hoạt động của các tổ chức tôn giáo chặt chẽ hơn. Luật sửa đổi có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 1996.

4. Kết Luận

Tôn giáo mới ở Nhật Bản từ khi kết thúc Chiến tranh Thế giới II cho đến những năm 1990 là một hiện tượng nổi bật trong đời sống tôn giáo của Nhật Bản. Sự lỏng lẻo về vai trò của Nhà nước trong quản lí tôn giáo, sự tăng trưởng nóng về kinh tế kéo theo những biến động về đời sống văn hóa, xã hội diễn ra với tốc độ cao là những nguyên nhân căn bản đưa đến sự ra đời có tính “bùng phát” của các tôn giáo mới ở quốc gia quần đảo này.

Tôn giáo mới vốn ra đời từ sự cải biên các yếu tố của tôn giáo truyền thống và phản ánh những nhu cầu tâm lí, tình cảm, tâm linh của đời sống xã hội Nhật Bản sau chiến tranh. Vì vậy, bên cạnh những tính chất truyền thống, tôn giáo mới cũng có những đặc trưng riêng biệt và có sự biến đổi trong những giai đoạn khác nhau. Tính hiện thế, tính hỗn dung, tính ma thuật, vai trò của phụ nữ là những đặc trưng dễ nhận biết nhất của những tổ chức tôn giáo mới.

Quá trình ra đời của tôn giáo mới ở Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới II là quá trình xuất hiện rầm rộ. Trong hàng nghìn các giáo phái tôn giáo được coi là

mới trong giai đoạn này, có không ít các giáo phái đã xuất hiện hoặc có mầm mống từ giai đoạn trước chiến tranh. Soka Gakkai, Omoto, Chân lí Aum là những đại diện điển hình cho diện mạo các tôn giáo mới trong giai đoạn này. Soka Gakkai không chỉ có tốc độ phát triển nhanh chóng về lượng tín đồ mà còn có tính điển hình của một loại hình tôn giáo mới có liên quan chặt chẽ tới đời sống chính trị của một quốc gia mà ở đó nguyên tắc “chính giáo phân li” đã được khẳng định trong Hiến pháp và Luật pháp nhân tôn giáo. Điều này cũng khẳng định thêm về tính chất hiện thế của tôn giáo Nhật Bản hiện đại cũng như sự biến đổi của Phật giáo truyền thống trong các tôn giáo mới. Giáo phái Omoto lại mang đặc trưng riêng ở chỗ, mặc dù là một tôn giáo được khởi phát từ trước Chiến tranh, nhưng trong giai đoạn từ năm 1945 đến những năm 1990 nó đang cố gắng tạo ra một diện mạo và những bước đi mới nhằm vươn ra phạm vi ngoài Nhật Bản. Giáo phái Chân lí Aum là một trường hợp điển hình đặc biệt của một giáo phái tôn giáo mới có khuynh hướng đi ngược lại các giá trị không chỉ của nhân dân Nhật Bản mà còn của loài người nói chung. Sự kiện khủng bố giết người hàng loạt bằng chất độc hóa học của giáo phái này chính là hồi chuông cảnh tỉnh các nhà quản lí không chỉ ở Nhật Bản mà cả trên toàn thế giới về mức độ nguy hại của một tổ chức tôn giáo mới có hành vi bạo lực. Với ba giáo

phái có tính chất đại diện được nêu ra chính là nhằm phác họa một cách khái quát diện mạo của đời sống tôn giáo mới trong xã hội Nhật Bản hiện đại.

Bên cạnh những tác động tích cực như góp phần vào phong trào gìn giữ hòa bình, bảo vệ môi trường, giải tỏa tâm lí căng thẳng và đưa lại sự cân bằng cho con người trong một xã hội cạnh tranh gay gắt thì nhiều tôn giáo mới cũng gây những tác hại không nhỏ cho xã hội mà điển hình là tội ác của Giáo phái Chân lí Aum. Ngoài ra cũng có không ít các tổ chức tôn giáo, thậm chí núp danh tôn giáo mới để trục lợi, tuyên truyền mê tín dị đoan gây tổn hại về tính mạng và tài sản cho con người.

Tính phức tạp của tôn giáo mới, nhất là những tác động tiêu cực của nó trong những năm sau chiến tranh, và trong thập niên 1990 đã khiến các nhà lập pháp Nhật Bản phải chỉnh sửa, bổ sung *Luật Pháp nhân tôn giáo*.

Nhật Bản đã có kinh nghiệm quý báu trong việc thực thi chính sách tôn giáo, vừa đảm bảo tự do tôn giáo vừa hạn chế được những khía cạnh tiêu cực của các tôn giáo mới. Những kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc hoàn thiện chính sách tôn giáo, nhất là trong xu thế hội nhập và tình hình an ninh, chính trị quốc tế đang ngày càng có nhiều bất ổn như hiện nay là những kinh nghiệm quý báu cho những quốc gia đang trong quá trình hoàn thiện chính sách tôn giáo./.